

Bản án số: 97/2022/HS-PT
Ngày 18-5-2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Tài.

Các Thẩm phán: Ông Trương Văn Lộc;

Ông Bùi Ngọc Thạch.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Hiền – Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phương Dung - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 5 năm 2022, tại Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 266/2021/TLPT-HS ngày 20 tháng 12 năm 2021 đối với bị cáo L do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 201/2021/HS-ST ngày 10 tháng 11 năm 2021 của Tòa án nhân dân thị xã B, tỉnh Bình Dương.

Bị cáo có kháng cáo:

Họ và tên L, sinh năm 1989 tại Trung Quốc; địa chỉ thường trú: V, N, G, Trung Quốc; chỗ ở trước khi bị bắt: ấp P, xã P, thị xã B, tỉnh Bình Dương; số hộ chiếu: E21926523; nghề nghiệp: công nhân (quản lý sản xuất); giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Trung Quốc; con ông L (đã chết) và bà L (đã chết); có vợ là bà Võ Xuân T và 01 con; tiền án: không, tiền sự: không; nhân thân: không; ngày 09/11/2020 bị bắt khẩn cấp tạm giữ, tạm giam đến ngày 03/02/2021 được tại ngoại và bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú, có mặt.

Người bào chữa cho bị cáo L: ông Lê Minh H là Luật sư của Công ty Luật TNHH MTV Hãng Luật T, thuộc Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh, có mặt.

Người phiên dịch cho bị cáo L: bà Phạm Thị Hồng N, công tác tại Trung tâm dịch vụ Đối ngoại tỉnh Bình Dương, Sở Ngoại vụ tỉnh Bình Dương, có mặt.

Ngoài ra vụ án còn có 01 bị hại không có kháng cáo, không có kháng nghị nên Tòa án không triệu tập.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

L là nhân viên của Công ty TNHH Kỹ N và có mối quan hệ họ hàng với Giám đốc Công ty là bà Li Y. Khoảng 14 giờ ngày 08/11/2020, L điều khiển xe mô tô hiệu Vision biển số 61LD - 404.44 từ nhà tại ấp P, xã P, thị xã B, tỉnh Bình Dương đến Công ty TNHH Kỹ N để lấy sơn giao cho khách hàng. Khi đến nơi, L thấy Công ty không có người. Lúc này, L nhớ lại việc Công ty giữ lại một phần tiền lương của mình nên nảy sinh ý định lấy trộm tiền của Công ty TNHH Kỹ N để tiêu xài. L đi vào văn phòng của Công ty rồi lên lầu 2 thì nhìn thấy phòng ngủ của bà Li Y cửa không khóa mà khép hờ. L lén lút đi vào dùng tay đẩy kết sắt từ phòng ngủ của bà Li Y qua phòng phơi đồ cách đó khoảng 15m rồi đi xuống khu vực xưởng sản xuất phía sau tìm 01 đoạn sắt gân dài 60cm, đường kính 1,5cm và 01 đoạn cây sắt gân dài 37cm, đường kính 2,5cm có đầu nhọn đẹp, cầm quay lại nơi để kết sắt. L dùng cây sắt có đầu đẹp đục cạy phá kết sắt. Khi cạy được cửa kết sắt bung ra, Li He Geng phát hiện bên trong kết sắt có nhiều tờ tiền mệnh giá khác nhau được cột lại bằng dây thun, L lấy được 395.133.500 đồng rồi bỏ vào một túi xách bằng vải màu xanh. Sau đó, Li He Geng mang túi xách leo qua cửa sổ phía sau đi ra ngoài bỏ 395.133.500 đồng vào cốp xe mô tô hiệu Vision biển số 61LD- 404.44, rồi điều khiển xe chạy về nhà tại ấp P, xã P, thị xã B, tỉnh Bình Dương. Tại đây, L cất giấu toàn bộ số tiền trộm được ở chuồng gà phía sau nhà nơi L ở.

Khoảng 20 giờ 30 phút cùng ngày, bà Li Y và chồng là ông G (sinh năm 1975, quốc tịch: Trung Quốc, tạm trú tại: ấp L, xã A, thị xã B, tỉnh Bình Dương) đi chơi về phát hiện kết sắt bị mất. Bà Li Y đến Công an xã A trình báo toàn bộ sự việc.

Vật chứng thu giữ gồm:

- Tại hiện trường Công ty TNHH Kỹ N thu giữ: 68 (sáu mươi tám) tờ tiền mệnh giá 100.000 đồng, 10 (mười) tờ tiền mệnh giá 200.000 đồng, 103 (một trăm lẻ ba) tờ tiền mệnh giá 50.000 đồng, 100 (một trăm) tờ tiền mệnh giá 20.000 đồng, 164 (một trăm sáu mươi bốn) tờ tiền mệnh giá 10.000 đồng, 55 (năm mươi lăm) tờ tiền mệnh giá 5.000 đồng, 03 (ba) tờ tiền mệnh giá 1.000 đồng, 03 (ba) tờ tiền mệnh giá 2.000 đồng, 03 (ba) tờ tiền mệnh giá 1.000 đồng, 04 (bốn) tờ tiền mệnh giá 500 đồng, 20 (hai mươi) tờ tiền Trung Quốc (nhân dân tệ), 01 (một) đồng hồ bằng kim loại màu vàng đã qua sử dụng.

- Tại số nhà 587/7, tổ 10, ấp P, xã P, thị xã B, tỉnh Bình Dương của L thu giữ gồm: 330 (ba trăm ba mươi) tờ tiền mệnh giá 500.000 đồng, 765 (bảy trăm sáu mươi lăm) tờ tiền mệnh giá 200.000 đồng, 523 (năm trăm hai mươi ba) tờ tiền mệnh giá 100.000 đồng, 457 (bốn trăm năm mươi bảy) tờ tiền mệnh giá 50.000 đồng, 97 (chín mươi bảy) tờ tiền mệnh giá 20.000 đồng, 03 (ba) tờ tiền mệnh giá 10.000 đồng, 01 (một) tờ tiền mệnh giá 2.000 đồng, 11 (mười một) tờ tiền mệnh giá 1.000 đồng, 01 (một) tờ tiền mệnh giá 500 đồng. Tổng số tiền 395.133.500 đồng.

- 01 xe mô tô hiệu Honda Vision màu nâu - đen - bạc biển số 61LD-404.44, số khung: 330XCY257513, số máy: JF33E0268842, xe do Công ty TNHH Kỹ N đứng tên đăng ký; 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô 61LD-404.44; 01 (một) đoạn sắt dài 60cm; 01 (một) đoạn sắt dài 37cm, một đầu nhọn, bên ngoài đoạn sắt sơn màu xanh.

Ngày 04/12/2020, Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an thị xã B xử lý vật chứng giao trả cho bà Li Y là người đại diện hợp pháp của Công ty TNHH Kỹ N: Toàn bộ số tiền và ngoại tệ đã thu giữ; 01 xe mô tô hiệu Honda Vision màu nâu đen bạc biển số 61LD-404.44, số khung: 330XCY257513, số máy: JF33E0268842; 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô 61LD-404.44. Bà Li Y có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho L.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số: 201/2021/HS-ST ngày 10 tháng 11 năm 2021 của Tòa án nhân dân thị xã B, tỉnh Bình Dương đã quyết định:

1. Về trách nhiệm hình sự: Tuyên bố bị cáo L phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

2. Về hình phạt:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 173; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017;

Xử phạt bị cáo L 08 (tám) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính kể từ ngày bắt thi hành án, được khấu trừ thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 09/11/2020 đến ngày 03/02/2021.

Bản án sơ thẩm còn quyết định xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo.

Ngày 24 tháng 11 năm 2021, bị cáo L kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa trình bày quan điểm giải quyết vụ án: kháng cáo của các bị cáo là trong thời hạn luật định, Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm là đúng thẩm quyền, đúng quy định của pháp luật. Sau khi xét xử sơ thẩm, bị cáo kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt nhưng không cung cấp thêm tình tiết giảm nhẹ mới, mức hình phạt 08 (tám) năm 06 (sáu) tháng tù Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt đối với bị cáo là phù hợp với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo nên kháng cáo của bị cáo là không có căn cứ. Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Người bào chữa cho bị cáo trình bày lời bào chữa: ngoài các tình tiết giảm nhẹ như bản án sơ thẩm đã áp dụng thì bị cáo có những tình tiết giảm nhẹ như bị cáo là người ít học, sống tại vùng nông thôn hẻo lánh ở Trung Quốc; bị cáo đến Việt Nam làm công nhân nhưng chủ công ty nợ lương, không đủ tiền để chi tiêu, có con còn nhỏ; khi thấy công ty sơ hở trong việc quản lý tài sản thì bị cáo mới nảy sinh ý định chiếm đoạt, bị cáo đã khắc phục lại toàn bộ tiền cho công ty, công ty xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Do đó, đề nghị Tòa án giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo để thể hiện chính sách khoan hồng của pháp luật.

Bị cáo thống nhất với lời bào chữa của người bào chữa và không tranh

luận bổ sung.

Bị cáo nói lời sau cùng: xin Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận kháng cáo, giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Đơn kháng cáo của bị cáo L được thực hiện trong thời hạn luật định nên đủ điều kiện để Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương giải quyết vụ án theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, có căn cứ xác định như sau:

Khoảng 14 giờ ngày 08/11/2020, tại Công ty TNHH Kỹ N; địa chỉ: khu công nghiệp V thuộc ấp L, xã A, thị xã B, tỉnh Bình Dương, L đã có hành vi lén lút chiếm đoạt 395.133.500 đồng (ba trăm chín mươi lăm triệu một trăm ba mươi ba nghìn năm trăm đồng) trong két sắt của Công ty TNHH Kỹ N với mục đích tiêu xài cá nhân.

Nhận thấy, bị cáo L lợi dụng sự sơ hở trong việc quản lý tài sản của Công ty TNHH Kỹ N đã lén lút thực hiện hành vi chiếm đoạt 395.133.500 đồng, hành vi này là tội phạm. Tội phạm bị cáo L Geng thực hiện rất nghiêm trọng, gây ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội. Do đó, Tòa án nhân dân thị xã B xét xử bị cáo tội “Trộm cắp tài sản” quy định tại khoản 3 Điều 173 Bộ luật Hình sự với mức hình phạt 08 năm 06 tháng tù là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

Sau khi xét xử, bị cáo L kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

[3] Xét kháng cáo của bị cáo:

Nhận thấy, sau khi phạm tội bị cáo có thái độ thần khẩn khai báo, ăn năn hối cải; tài sản đã thu hồi trả lại toàn bộ cho bị hại; bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Về hoàn cảnh, bị cáo có 02 người con còn nhỏ (lớn sinh 2015, nhỏ sinh năm 2020). Các tình tiết giảm nhẹ trên đã được Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng khi xét xử đối với bị cáo với mức án 08 năm 06 tháng tù là phù hợp. Tại cấp phúc thẩm, bị cáo không có tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mới nên không có căn cứ giảm hình phạt cho bị cáo. Kháng cáo của bị cáo không được chấp nhận.

[4] Về án phí phúc thẩm: Căn cứ Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 2 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; kháng cáo của bị cáo không được chấp nhận nên bị cáo phải chịu án phí theo quy định.

[5] Ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương phù hợp với nhận định của Tòa án nên được chấp nhận.

[6] Ý kiến của người bào chữa cho bị cáo đề nghị Tòa án giảm hình phạt cho bị cáo là không có căn cứ chấp nhận.

[7] Các phần khác của quyết định bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự;

1. Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo L. Giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số: 201/2021/HS-ST ngày 10 tháng 11 năm 2021 của Tòa án nhân dân thị xã B, tỉnh Bình Dương về hình phạt đối với bị cáo.

1.1 Về trách nhiệm hình sự: tuyên bố bị cáo L phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

1.2. Về hình phạt:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 173; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017;

Xử phạt bị cáo L 08 (tám) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính kể từ ngày bắt thi hành án, được khấu trừ thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 09/11/2020 đến ngày 03/02/2021.

2. Án phí hình sự phúc thẩm:

Áp dụng Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: bị cáo L phải nộp 200.000 (hai trăm nghìn) đồng.

3. Các phần khác của quyết định bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương;
- Tòa án nhân dân thị xã B (2);
- Viện kiểm sát nhân dân thị xã B;
- Chi cục Thi hành án dân sự thị xã B;
- Phòng PV06 Công an tỉnh Bình Dương;
- Công an thị xã B;
- Sở Tư pháp tỉnh Bình Dương;
- Ủy ban nhân dân xã nơi bị cáo cư trú;
- Bị cáo;
- Người bào chữa cho bị cáo;
- Tổ Hành chính Tư pháp (2);
- Lưu: Hồ sơ vụ án, Tòa Hình sự, LTH, 15.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Văn Tài